

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 26-03-2020.

Về việc: “*Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Lân.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1, Ông Lê Thế Chuyên.

2, Ông Dương Xuân Đỉnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXX-ST ngày 21 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐHPT-ST ngày 09 tháng 03 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Bích D, sinh năm 1989; Nơi thường trú: Thôn Đ, xã U, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Số nhà 85, đường Tr, quận L, thành phố HP. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quang S, sinh năm 1987; trú tại: Thôn Đ, xã U, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ghi ngày 16 tháng 12 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn trong vụ án là chị Bùi Thị Bích D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Quang S xây dựng gia đình với nhau năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã U ngày 23 tháng 11 năm 2015. Cưới xong, vợ chồng ở tại nhà bố mẹ đẻ anh S thuộc thôn Đ, xã U.

Quá trình chung sống, vợ chồng chỉ hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn, không có vấn đề gì. Từ giữa năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ngày càng căng thẳng. Chị đã chuyển về nhà bố mẹ để chị ở tại số nhà 85, đường Tr, quận L, thành phố HP, sống ly thân với anh S từ năm 2017 đến nay. Theo chị, nguyên nhân chính là do anh S không tập trung làm ăn, giúp đỡ gia đình, vợ con, thường xuyên ra ngoài tụ tập rượu chè, chơi bời. Ngoài ra, anh S còn ghen tuông vô cớ, đánh chửi chị ngay cả khi chị đang có thai. Khi mâu thuẫn xảy ra, hai gia đình và chính quyền địa phương cũng đã hoà giải, dàn xếp cho vợ chồng nhưng không có kết quả do anh S không hề thay đổi. Chị không còn niềm tin, tình cảm gì đối với anh Sơn và xác định hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc, chị xin được ly hôn anh S.

- Về con chung: Chị và anh S có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Diệp A, sinh ngày 03 tháng 04 năm 2017, cháu khoẻ mạnh bình thường và đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự thoả thuận giải quyết với anh Sơn về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị và anh S tự thoả thuận giải quyết với nhau về tài sản chung nên chị không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 15 tháng 01 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án tại Toà án, bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Quang S trình bày: Anh thống nhất với chị D khai về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân của vợ chồng hiện nay. Anh công nhận trong thời gian chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đáng kể, chỉ từ năm 2017, sau khi chị D sinh con có sự thay đổi về quan điểm sống, sinh hoạt hàng ngày đã tạo ra sự căng thẳng trong quan hệ vợ chồng. Sau khi chị D tự ý mang con về nhà bố mẹ chị ở, anh đã chủ động gặp gỡ, khuyên can, động viên chị quay lại chung sống với anh để cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng chị không chấp nhận. Anh vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau làm ăn nuôi dạy con chung, trường hợp chị D cố tình ly hôn thì anh cũng phải chấp nhận.

- Về con chung: Anh nhất trí với chị D khai về con chung của vợ chồng. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị D tiếp tục nuôi dưỡng con chung và hai bên tự thoả thuận giải quyết với nhau về cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh nhất trí với quan điểm của chị D, hai bên tự thoả thuận giải quyết về tài sản chung mà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, nguyên đơn trong vụ án là chị D vẫn giữ nguyên lời khai và quan điểm của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện hoàn toàn đầy đủ, đúng với các qui định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án.

- Nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đầy đủ các Thông báo và Quyết định tố tụng của Tòa án, chấp hành đúng các qui định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành tốt các Thông báo, Quyết định tố tụng của Tòa án, vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều : 28, 220, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Chấp nhận Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị Bích D đối với anh Nguyễn Quang S.

- Về con chung: Ghi nhận sự thoả thuận của hai bên, chị D tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc Diệp A, sinh ngày 03 tháng 04 năm 2017; Hai bên tự thoả thuận giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không phải giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị D phải chịu án phí không giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Quang S vắng mặt tại các phiên toà mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định đưa vụ án ra xét xử và giành quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Bích D và anh Nguyễn Quang S xây dựng gia đình với nhau năm 2015, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã U, huyện Đ, thành phố Hà Nội ngày 23 tháng 11 năm 2015, hôn nhân đó là hợp pháp. Sau khi cưới, chị D về làm dâu và ở chung cùng bố mẹ anh S tại thôn Đ, xã U.

Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn giữa vợ chồng và ngày càng căng thẳng, chị D đã đưa con về ở nhà bố mẹ đẻ chị tại số nhà 85, đường Tr, quận L, thành phố HP, sống ly thân với anh S từ tháng 04 năm 2017 đến nay, vợ chồng không có trách nhiệm và tình cảm với nhau trong cuộc sống.

Xét thấy, để có một cuộc hôn nhân hoà thuận, hạnh phúc phải dựa trên cơ sở của sự thương yêu, tôn trọng, tin tưởng và giúp đỡ lẫn nhau giữa vợ chồng. Đối với

anh S và chị D thì không được như vậy, hôn nhân của anh chị mới được thời gian ngắn nhưng không được hòa thuận, hạnh phúc, hai người không hoà hợp với nhau về tính cách và quan điểm, chị D cho rằng anh S sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, ham chơi rượu chè; anh S có tính ghen, nghi ngờ lòng chung thủy của chị D dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng và sống ly thân gần 03 năm nay. Gia đình hai bên cũng đã hoà giải, dàn xếp cho anh chị nhưng không có kết quả; như vậy mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được là xây dựng một gia đình hạnh phúc. Việc anh S không đồng ý ly hôn chị D nhưng anh không đưa ra được biện pháp gì để cải thiện quan hệ tình cảm vợ chồng, trong khi chị D kiên quyết xin ly hôn, cho thấy nếu kéo dài hôn nhân giữa anh chị cũng không đảm bảo tồn tại hạnh phúc lâu dài. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị Bùi Thị Bích D và anh Nguyễn Quang S có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Diệp A, sinh ngày 03 tháng 04 năm 2017, hiện đang do chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hàng ngày. Anh S và chị D thống nhất khi vợ chồng ly hôn, chị D tiếp tục nuôi dưỡng cháu Diệp A và hai bên tự thỏa thuận giải quyết với nhau về cấp dưỡng nuôi con chung. Quan điểm đó của các đương sự là tự nguyện và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được ghi nhận.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị D và anh S cùng khai xác định khi ly hôn, hai bên tự thỏa thuận giải quyết với nhau về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

[2.4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng, chị D phải chịu cả để sung công quỹ Nhà nước.

[2.5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, Điều 220; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1, Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị Bích D.

Chị Bùi Thị Bích D được ly hôn anh Nguyễn Quang S.

2, Về con chung: Chị Bùi Thị Bích D và anh Nguyễn Quang S có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Diệp A, sinh ngày 03 tháng 04 năm 2017.

Ghi nhận sự thoả thuận của chị D và anh Sơn để chị D tiếp tục nuôi dưỡng cháu Diệp A và hai bên tự thoả thuận giải quyết với nhau về cấp dưỡng nuôi con chung đến khi con thành niên hoặc có quyết định khác của Toà án.

Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3, Về tài sản chung: Chị Bùi Thị Bích D và anh Nguyễn Quang S tự thỏa thuận giải quyết với nhau về tài sản chung, Toà án không giải quyết.

4, Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), chị Bùi Thị Bích D phải chịu cả. Chị D đã nộp đủ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0015290 ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, nay được chuyển thành tiền án phí để sung công quỹ Nhà nước.

5, Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Bích D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Nguyễn Quang S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND. huyện Đ;
- Chi cục THADS. huyện Đ;
- UBND. xã U;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Ngọc Lân

Nguyễn Ngọc Lân

